

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/DS-ST

Ngày: 11-6-2018.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sỹ Định.

2. Ông Trương Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-DS ngày 17/4/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hà Thị H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số nhà X đường Y, tổ dân phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn L (là chồng của bà Nguyễn Thị L), sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

3.2. Ông Phan L (là chồng của bà Hà Thị H). Nơi cư trú: Số nhà X đường Y, tổ dân phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:** Bà L có quen biết với bà Hà Thị H ở tại số nhà X đường Y, tổ dân phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vào ngày 04/3/2014 âm lịch tức ngày 03/4/2014 dương lịch, bà L có cho bà H mượn số tiền 100.000.000 đồng, bà H nói mục đích mượn tiền để làm ăn và cho con đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Khi mượn, bà H nói khoảng 01 tháng sau sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên cho bà L. Tuy nhiên, thời gian mượn đến nay đã hơn 04 năm nhưng bà H vẫn không trả lại cho bà L. Số tiền bà H mượn là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn L. Vợ chồng bà L đã nhiều lần đến trực tiếp gặp vợ chồng bà Hà Thị H, ông Phan L để đòi nợ nhưng bà H, ông L không trả. Nay bà L yêu cầu Tòa án buộc bà Hà Thị H, ông Phan L phải trả cho vợ chồng bà L toàn bộ số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày mượn 03/4/2014 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể vì hoàn cảnh kinh tế của bà H, ông L có khó khăn nên bà L chỉ yêu cầu bà H, ông L trả cho vợ chồng bà L, ông L số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng; số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng bà L, ông L yêu cầu bà H, ông L trả một lần. Đối với khoản tiền lãi thì bà L, ông L không yêu cầu bà H, ông L phải trả. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L (là chồng của bà L) thống nhất với yêu cầu khởi kiện và việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn L:** đồng ý với yêu cầu khởi kiện nói trên của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

*** Đối với bị đơn bà Hà Thị H:**

Tòa án nhân dân huyện P đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là bà Hà Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan L (chồng của bà H). Sau khi nhận được thông báo của Tòa án, bà Hà Thị H đã đến Tòa án trình bày: Vợ chồng bà H, ông L có biết việc vợ chồng bà Nguyễn Thị L khởi kiện về việc đòi nợ tại Tòa án nhân dân huyện P. Vợ chồng bà H cũng đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng do hoàn cảnh khó khăn phải đi làm ăn xa tại thành phố Hồ Chí Minh nên chưa đến làm việc theo yêu cầu của Tòa án. Về việc đòi nợ thì bà H thừa nhận có quen biết với bà Nguyễn Thị L ở Thôn B, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, do đó, bà H có chơi hụi với bà L và có nợ số tiền 80.000.000 đồng như bà L trình bày. Sau đó, bà L có nhiều lần trực tiếp đến đòi nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà H có đề nghị bà L cho bà trả mỗi tháng 500.000 đồng nhưng bà L không đồng ý. Quá trình chơi hụi thì bà L có thu tiền lãi của bà H, nay bà H đồng ý

trả tiền nợ gốc 80.000.000 đồng cho vợ chồng bà L theo phương án trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn ông Phan L:*** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và không có ý kiến gì.

Tòa án nhân dân huyện P đã tiến hành hòa giải, nhưng phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ đứng về phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn L không đồng ý với phương án trả nợ của bị đơn bà Hà Thị H; bà L, ông L yêu cầu bà H, ông L trả một lần số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng, bà L và ông L không yêu cầu tính lãi suất.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn L chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Hà Thị H cơ bản chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn ông Phan L là chồng bà H chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 357, 463, 464, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Hà Thị H phải trả cho vợ chồng bà L, ông L số tiền 80.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

* Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện P thụ lý theo thủ tục sơ thẩm lần thứ nhất theo thông báo về việc thụ lý vụ án dân sự số 07/2017/TLST-DS ngày 25/7/2017. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện P đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 14/2017/QĐST-DS ngày 29/8/2017, với lý do “Theo đơn khởi kiện nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L cung cấp địa chỉ của bị đơn bà Hà Thị H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan L trú tại: Số nhà X đường Y, tổ dân phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 25/8/2017, Tòa án nhân dân huyện P đã xác minh tại địa phương tổ dân phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thì bị đơn bà Hà Thị H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan L đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 01/2017, hiện nay không có mặt tại địa phương”. Quyết định này bị nguyên đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo. Tại quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 86/2017/QĐPT-DS ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, đã chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L “Hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 14/2017/QĐST-DS ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để tiếp tục giải quyết vụ án”.

Ngày 26/12/2017 Tòa án nhân dân huyện P thụ lý lại vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử.

* Đối với bị đơn bà Hà Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Sau khi hoãn phiên tòa sơ thẩm ngày 16/5/2018. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa cho ông Phan L, nhưng ông L vắng mặt. Tòa án đã thực hiện tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là ông Phan L do không tổng đạt được quyết định này, nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng; đồng thời thực hiện thủ tục niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông L theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Đối với việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trước khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có ý kiến thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Bà L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hà Thị H phải trả cho vợ chồng bà L, ông L số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng; vợ chồng bà L không yêu cầu tính lãi suất số tiền nợ gốc. Việc

thay đổi này của phía nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết với nhau giữa gia đình bà Nguyễn Thị L và bà Hà Thị H nên vào ngày 04/3/2014 âm lịch tức ngày 03/4/2014 dương lịch, bà L có cho bà H vay mượn số tiền 100.000.000 đồng. Khi mượn hai bên có viết giấy tờ và bà H có ký nhận. Khi mượn, bà H nói khoảng 01 tháng sau sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên cho bà L. Tuy nhiên, thời gian mượn đến nay đã hơn 04 năm nhưng bà H vẫn không trả lại cho bà L. Số tiền bà H mượn là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn L. Vợ chồng bà L đã nhiều lần đến trực tiếp gặp vợ chồng bà Hà Thị H, ông Phan L để đòi nợ nhưng bà H, ông L không trả. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận hiện nay vợ chồng bà Hà Thị H, ông Phan L còn nợ của vợ chồng bà L, ông L số tiền 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất được về phương án trả nợ do bà H đề xuất được trả 500.000 đồng/1 tháng cho đến khi trả hết số nợ trên nhưng bà L, ông L không đồng ý mà yêu cầu vợ chồng bà H, ông L phải trả một lần số tiền nợ 80.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà L là có căn cứ, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà Hà Thị H phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn L số tiền nợ 80.000.000 đồng.

Bà L, ông L không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

* Đối với án phí dân sự phúc thẩm đã được xử lý tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 86/2017/QĐPT-DS ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

* Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 4.000.000đ (80.000.000đx5%).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 357, 463, 464, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Hà Thị H phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn L số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Hà Thị H phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 2.731.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/001646 ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Ngọc Tú